Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 8474.10.10

Mã HS	8474.10.10
Mô tả hàng hóa	Máy dùng để phân loại, sàng lọc, phân tách, rửa, nghiền, xay, trộn hoặc nhào đất, đá, quặng hoặc các khoáng vật khác, dạng rắn (kể cả dạng bột hoặc dạng nhão); máy dùng để đóng khối, tạo hình hoặc đúc khuôn các nhiên liệu khoáng rắn, bột gốm nhão, xi măng chưa đông cứng, thạch cao hoặc các sản phẩm khoáng khác ở dạng bột hoặc dạng nhão; máy để tạo khuôn đúc bằng cát / - Máy phân loại, sàng lọc, phân tách hoặc rửa: / - - Hoạt động bằng điện
Đơn vị	chiếc
Thời điểm tạo	02/11/2026 10:39:11
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/84741010/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	3	3%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K14371
Thuế NK ưu đãi (MFN)	2	2%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N14371
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q14371
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái

AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ACFTA	0 (-KH)	0% (trừ KH)	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	1.1	1,1%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E13716
ATIGA	2022	2022	0	AT!E13657
ATIGA	2023	2023	0	AT!F13657
ATIGA	2024	2024	0	AT!G13657
ATIGA	2025	2025	0	AT!H13657
ATIGA	2026	2026	0	AT!I13657
ATIGA	2027	2027	0	AT!J13657
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E13711
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F13711
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G13711
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H13711

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I13711
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J13711
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E13712
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F13712
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G13712
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H13712
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I13712
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J13712
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F13715
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H13663
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F13671
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G13671
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H13671
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I13671
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J13671
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K13671
VKFTA	2022	2022	0	VK!E13702
VKFTA	2023	2023	0	VK!F13702
VKFTA	2024	2024	0	VK!G13702
VKFTA	2025	2025	0	VK!H13702
VKFTA	2026	2026	0	VK!I13702
VKFTA	2027	2027	0	VK!J13702
VCFTA	2022	2022	0	VC!D13751
VCFTA	2023	2023	0	VC!E13751
VCFTA	2024	2024	0	VC!F13751
VCFTA	2025	2025	0	VC!G13751

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2026	2026	0	VC!H13751
VCFTA	2027	2027	0	VC!I13751
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D13734
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E13734
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F13734
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G13734
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H13734
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I13734
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D13734
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E13734
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F13734
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G13734
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H13734
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I13734
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D13749
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E13749
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F13749
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G13749
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H13749
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I13749
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D13748
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E13748
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F13748
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G13748
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H13748
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I13748

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D13728
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E13728
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F13728
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G13728
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H13728
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I13728
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J13728
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D13736
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E13736
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F13736
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G13736
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H13736
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I13736
RCEP B	2022	2022	0	B!D13736
RCEP B	2023	2023	0	B!E13736
RCEP B	2024	2024	0	B!F13736
RCEP B	2025	2025	0	B!G13736
RCEP B	2026	2026	0	B!H13736
RCEP B	2027	2027	0	B!I13736
RCEP C	2022	2022	0	C!D13736
RCEP C	2023	2023	0	C!E13736
RCEP C	2024	2024	0	C!F13736
RCEP C	2025	2025	0	C!G13736
RCEP C	2026	2026	0	C!H13736
RCEP C	2027	2027	0	C!I13736
RCEP D	2022	2022	0	D!D13735

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2023	2023	0	D!E13735
RCEP D	2024	2024	0	D!F13735
RCEP D	2025	2025	0	D!G13735
RCEP D	2026	2026	0	D!H13735
RCEP D	2027	2027	0	D!I13735
RCEP E	2022	2022	0	E!D13739
RCEP E	2023	2023	0	E!E13739
RCEP E	2024	2024	0	E!F13739
RCEP E	2025	2025	0	E!G13739
RCEP E	2026	2026	0	E!H13739
RCEP E	2027	2027	0	E!I13739
RCEP F	2022	2022	0	F!D13736
RCEP F	2023	2023	0	F!E13736
RCEP F	2024	2024	0	F!F13736
RCEP F	2025	2025	0	F!G13736
RCEP F	2026	2026	0	F!H13736
RCEP F	2027	2027	0	F!I13736
VIFTA	2024	2024	1.7	VI!F12750
VIFTA	2025	2025	1.4	VI!G12750
VIFTA	2026	2026	1.1	VI!H12750
VIFTA	2027	2027	0.9	VI!I12750

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 8474.10 có 2 dòng thuế; dòng 8474.10.10 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Hoạt động bằng điện.	8474.10.20 Không hoạt động bằng điện	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 8474.10.10. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 2% của mã 8474.10.10 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N14371), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.